TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
INVESTMENT AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT JOINT STOCK CORPORATION

Số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ
No: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Bình Dương, ngày 27 tháng 06 năm 2024
Binh Duong, June 27, 2024

NGHỊ QUYẾT
RESOLUTION
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
OF THE 2024 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
INVESTMENT AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT JOINT STOCK CORPORATION

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*

Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of The Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of The Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

Pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law;

- *Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP hiện hành;*

Pursuant to the current Charter of Investment And Industrial Development Joint Stock Corporation;

- *Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP;*

Pursuant to the Internal Regulations on Corporate Governance of Investment And Industrial Development Joint Stock Corporation;

- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2024.*

Pursuant to the Minutes of the Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2024/BB-DHDCĐ dated June 27, 2024.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP
INVESTMENT AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT JOINT STOCK CORPORATION

QUYẾT NGHỊ:
RESOLVES:

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên độc lập Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 bao gồm BCTC tổng hợp và hợp nhất với tỷ lệ tán thành là 100%. (các báo cáo được đính kèm tài liệu).

Article 1. *Approve Proposal No. 01/2024/TTr-HĐQT dated June 27, 2024, regarding the approval of the Board of Directors' and Independent Board Member's activity report, the Board of Supervisors' report, and the audited 2023 financial statements, including consolidated and combined financial statements, with a 100% approval. (Reports are attached).*

Điều 2. Thông qua Tờ trình số 02/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024, tỷ lệ tán thành là 100% với nội dung chính như sau:

Article 2. *Approve Proposal No. 02/2024/TTr-HĐQT dated June 27, 2024, regarding the General Director's report on the business performance results for 2023 and the business plan for 2024, with a 100% approval, with the main contents as follows:*

1. Kết quả kinh doanh năm 2023/ *Business Performance Results for 2023.*

a. Kết quả kinh doanh công ty mẹ/ *Parent Company Business Performance Results:*

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Criteria*	**Kế hoạch năm 2023 (Tỷ đồng)** *Plan 2023 (Billion VND)*	**Thực hiện năm 2023 (Tỷ đồng)** *Implementation 2023 (Billion VND)*	**Tỷ lệ (%) (TH/KH)** *Percentage (%) (Actual/Plan)*
1	Tổng doanh thu *Total Revenue*	**6.800** ***6,800***	**7.245** ***7,245***	107 *107*

2	Tổng chi phí *Total Cost*	**4.875** ***4,875***	**5.173** ***5,173***	106 *106*
3	Lợi nhuận trước thuế *Profit Before Tax*	**1.925** ***1,925***	**2.072** ***2,072***	108 *108*
4	Lợi nhuận sau thuế *Profit After Tax*	**1.597** ***1,597***	**1.666** ***1,666***	104 *104*

b. Kết quả kinh doanh hợp nhất/ *Consolidated Business Performance Results:*

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Metrics*	**Kế hoạch năm 2023 (Tỷ đồng)** *Plan 2023 (Billion VND)*	**Thực hiện năm 2023 (Tỷ đồng)** *Actual 2023 (Billion VND)*	**Tỷ lệ (%) (TH/KH)** *Percentage (%) (Actual/Plan)*
1	Tổng doanh thu *Total Revenue*	**9.460** ***9,460***	**8.830** ***8,830***	93 *93*
2	Tổng chi phí *Total Cost*	**6.832** ***6,832***	**6.133** ***6,133***	90 *90*
3	Lợi nhuận trước thuế *Profit Before Tax*	**2.628** ***2,628***	**2.697** ***2,697***	103 *103*
4	Lợi nhuận sau thuế *Profit After Tax*	**2.263** ***2,263***	**2.280** ***2,280***	101 *101*

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2024/ *Business plan for 2024*

a. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ với các chỉ tiêu chủ yếu/ *Parent Company business plan with the main targets:*

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Metrics*	**Thực hiện năm 2023 (Tỷ đồng)** *Actual 2023 (Billion VND)*	**Kế hoạch năm 2024 (Tỷ đồng)** *Plan 2024 (Billion VND)*	**Tỷ lệ (%) (KH/TH)** *Percentage (%) (Plan/Actual)*
1	Tổng doanh thu *Total Revenue*	**7.245** ***7,245***	**7.569** ***7,569***	**104** ***104***
2	Tổng chi phí *Total Cost*	**5.173** ***5,173***	**5.452** ***5,452***	**106** ***106***

3	Lợi nhuận trước thuế *Profit Before Tax*	**2.072** ***2,072***	**2.117** ***2,117***	**102** ***102***
4	Lợi nhuận sau thuế *Profit After Tax*	**1.666** ***1,666***	**1.700** ***1,700***	**102** ***102***

b. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất với các chỉ tiêu chủ yếu/ *Consolidated business plan with the main targets:*

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Metrics*	**Thực hiện năm 2023 (Tỷ đồng)** *Actual 2023 (Billion VND)*	**Kế hoạch năm 2024 (Tỷ đồng)** *Plan 2024 (Billion VND)*	**Tỷ lệ (%) (KH/TH)** *Percentage (%) (Plan/Actual)*
1	Tổng doanh thu *Total Revenue*	**8.830** ***8,830***	**9.000** ***9,000***	102 *102*
2	Tổng chi phí *Total Cost*	**6.133** ***6,133***	**6.300** ***6,300***	103 *103*
3	Lợi nhuận trước thuế *Profit Before Tax*	**2.697** ***2,697***	**2.700** ***2,700***	100 *100*
4	Lợi nhuận sau thuế *Profit After Tax*	**2.280** ***2,280***	**2.350** ***2,350***	103 *103*

Điều 3. Thông qua Tờ trình số 03/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024, tỷ lệ tán thành là 100% với nội dung chi tiết như sau:

Article 3. *Approve Proposal No. 03/2024/TTr-HĐQT dated June 27, 2024, regarding the profit distribution plan and dividend payment for 2023, and the profit distribution plan and dividend payment for 2024, with a 100% approval, with detailed contents as follows:*

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023/ *Profit distribution plan for 2023:*

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Metrics*	**Kế hoạch năm 2023 (VNĐ)** *Plan 2023 (VND)*	**Thực hiện năm 2023 (VNĐ)** *Actual 2023 (VND)*
1	**Lợi nhuận sau thuế năm 2023** *Profit After Tax 2023*	1.596.660.000.000 *1,596,660,000,000*	1.665.740.059.927 *1,665,740,059,927*
2	**Trích quỹ đầu tư phát triển (30%/LNST)**	478.998.000.000 *478,998,000,000*	499.722.017.978 *499,722,017,978*

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Metrics*	**Kế hoạch năm 2023 (VNĐ)** *Plan 2023 (VND)*	**Thực hiện năm 2023 (VNĐ)** *Actual 2023 (VND)*
	Allocation to Development Investment Fund (30%/PAT)		
3	**Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi** *Allocation to Reward and Welfare Fund*	133.000.000.000 *133,000,000,000*	109.651.000.000 *109,651,000,000*
4	**Trích thưởng Ban điều hành** *Bonus allocation for the Board of Management*	1.732.000.000 *1,732,000,000*	1.724.700.000 *1,724,700,000*
5	**Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ** *Remaining Profit After Fund Allocation*	**982.930.000.000** *982,930,000,000*	**1.054.642.341.949** *1,054,642,341,949*
6	**Lợi nhuận năm trước chuyển sang** *Profit carried forward from the previous year*		**35.819.948.950** *35,819,948,950*
7	**Vốn điều lệ** *Charter capital*	10.350.000.000.000 *10,350,000,000,000*	10.350.000.000.000 *10,350,000,000,000*
8	**Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ (%)** *Dividend Payout Ratio/Charter Capital (%)*	9 *9*	10 *10*
9	**Cổ tức** *Dividend*	931.500.000.000 *931,500,000,000*	1.035.000.000.000 *1,035,000,000,000*
10	**Lợi nhuận còn lại chưa phân phối** *Undistributed Profit*	51.430.000.000 *51,430,000,000*	55.462.290.899 *55,462,290,899*

Thời gian chi trả cổ tức: trong năm 2024/ *Dividend Payment Date: in 2024.*

2. <u>Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024</u>/ <u>*Profit distribution plan for 2024*</u>*:*

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Metrics*	**Kế hoạch năm 2024 (VNĐ)** *Plan 2024 (VND)*
1	**Lợi nhuận sau thuế năm 2024** *Profit After Tax 2024*	1.700.000.000.000 *1,700,000,000,000*
2	**Trích quỹ đầu tư phát triển (30%/LNST)** *Allocation to Development Investment Fund (30%/PAT)*	510.000.000.000 *510,000,000,000*
3	**Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi** *Allocation to Reward and Welfare Fund*	104.696.000.000 *104,696,000,000*
4	**Trích thưởng Ban điều hành** *Bonus allocation for the Board of Management*	1.654.350.000 *1,654,350,000*
5	**Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ** *Remaining Profit After Fund Allocation*	**1.083.649.650.000** ***1,083,649,650,000***
6	**Lợi nhuận năm trước chuyển sang** *Profit carried forward from the previous year*	**55.462.290.899** ***55,462,290,899***
7	**Vốn điều lệ** *Charter capital*	10.350.000.000.000 *10,350,000,000,000*
8	**Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ (%)** *Dividend distribution ratio/Charter Capital (%)*	10 *10*

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc báo cáo kết quả thực hiện phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2023 với tỷ lệ tán thành là 100% với nội dung chính như sau:

Article 4. Approve Proposal No. 04/2024/TTr-HĐQT dated June 27, 2024, regarding the report on the results of the private bond issuance in 2023, with a 100% approval, with the main contents as follows:

Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tổ chức triển khai phương án phát hành phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan với kết quả thực hiện tính đến ngày 31/12/2023 như sau:

The Board of Directors has implemented the issuance plan in accordance with the provisions of the Company's Charter and relevant legal regulations, with the implementation results as of December 31, 2023, as follows:

STT No.	**NQ HĐQT** BOD Resolution	**Kế hoạch (tỷ đồng)** Plan (Billion VND)	**Kết quả thực hiện (tỷ đồng)** Actual Result (Billion VND)	**Tỷ lệ hoàn thành** Completion Rate
1	Số 19/2023/NQ-HĐQT ngày 21/06/2023 *No. 19/2023/NQ-HĐQT Date 21/06/2023*	**2.000** ***2,000***	**2.000** ***2,000***	100% *100%*
2	Số 33/NQ-HĐQT ngày 14/09/2023 *No. 33/NQ-HĐQT Date 14/09/2023*	**760** ***760***	**406** ***406***	100% *100%*
3	Số 49/NQ-HĐQT ngày 13/12/2023 *No. 49/NQ-HĐQT Date 13/12/2023*	**1.300** ***1,300***	**1.300** ***1,300***	100% *100%*

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19/2023/NQ-HĐQT ngày 21/06/2023 về việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty với tổng mệnh giá tối đa là 2.000 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành thành công đến ngày 05/07/2023 là 2.000 tỷ đồng./ *According to Board Resolution No. 19/2023/NQ-HĐQT dated June 21, 2023, on the issuance of bonds by the*

Company with a maximum total par value of 2,000 billion VND. Bonds were successfully issued by July 5, 2023, totaling 2,000 billion VND.

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 33/NQ-HĐQT ngày 14/09/2023 về việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty với tổng mệnh giá tối đa là 760 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành đến ngày 06/10/2023 là 406 tỷ đồng, còn lại 354 tỷ đồng không phát hành hết./ *According to Board Resolution No. 33/NQ-HĐQT dated September 14, 2023, on the issuance of bonds by the Company with a maximum total par value of 760 billion VND. Bonds were issued by October 6, 2023, totaling 406 billion VND, with the remaining 354 billion VND not fully issued.*

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 49/NQ-HĐQT ngày 13/12/2023 về việc phát hành trái phiếu với tổng mệnh giá tối đa là 1.300 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành đến ngày 29/12/2023 là 1.300 tỷ đồng./ *According to Board of Directors Resolution No. 49/NQ-HĐQT date December 13, 2023 regarding the issuance of bonds with a maximum total par value of 1,300 billion VND. Bonds issued as of date December 29, 20233 totaled 1,300 billion VND.*

Các nội dung liên quan khác được công bố chi tiết tại thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2023.

Other related contents are disclosed in detail in the notes to the 2023 audited combined financial statements.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 05/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% với nội dung chính như sau:

Article 5. *Approving Proposal No. 05/2024/TTr-HĐQT date June 27, 2024 regarding the payment of Board of Directors remuneration for 2023 and the payment plan for 2024 with 100% approval, with the main contents as follows:*

1. Trong năm 2023: Tổng Công ty thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên không chuyên trách tại Tổng Công ty với số tiền là: 480.000.000 đồng.
   In 2023: The Corporation paid remuneration to non-executive members at the Corporation with the amount of: 480,000,000 VND.
2. Kế hoạch năm 2024: Tổng Công ty thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên không chuyên trách tại Tổng Công ty với số tiền là: 564.000.000 đồng.
   Plan for 2024: The Corporation will pay remuneration to non-executive members at the Corporation with the amount of: 564,000,000 VND.

<u>Điều 6.</u> Thông qua Tờ trình số 06/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% với nội dung chính như sau:

<u>Article 6.</u> *Approving Proposal No. 06/2024/TTr-HĐQT Date June 27, 2024 regarding the addition of business lines with 100% approval, with the main contents as follows:*

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung** *Business Line/Industry Name to be added*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
1	**Sản xuất điện/** *Power generation* *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)./* *(excluding transmission, national power system dispatch; construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special socio-economic importance).* Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo./ *Details: Power generation from solar energy, renewable energy.*	3511	

(đính kèm theo Nghị quyết bảng ngành nghề kinh doanh sau khi bổ sung)
(attached to the Resolution is the list of business lines after the addition)

Sửa đổi Điều lệ tương ứng với ngành, nghề kinh doanh bổ sung của Tổng Công ty: Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh tại khoản 1 Điều 4 của bản Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty hiện hành.

Amending the Charter accordingly with the added business lines of the Corporation: Approving the addition of business lines in Clause 1, Article 4 of the current Charter of Organization and Operation of the Corporation.

Giao cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định thời điểm sửa đổi Điều lệ và thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty nêu trên.

Assigning the Board of Directors to proactively decide the time to amend the Charter and carry out the procedures for changing the above-mentioned enterprise registration information of the Corporation.

<u>Điều 7.</u> Thông qua Tờ trình số 07/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% với nội dung chính như sau:

<u>Article 7.</u> *Approving Proposal No. 07/2024/TTr-HĐQT date June 27, 2024 regarding the approval of the maximum foreign ownership percentage with 100% approval, with the main contents as follows:*

Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP là **34%.**

*Approving the maximum foreign ownership Percentage at Investment And Industrial Development Joint Stock Corporation as **34%**.*

Thông qua việc bổ sung thêm nội dung tại Điều 6 của bản Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty hiện hành (Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần) như sau: "8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP là **34%.**"

Approving the addition of Content to Article 6 of the current Charter of Organization and Operation of the Corporation (Article 6. Charter capital, shares) as follows: "8. The maximum foreign ownership percentage at Investment And Industrial Development Joint Stock Corporation is 34%."

Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định hiện hành.

Assigning the Board of Directors to carry out the procedures for notifying the maximum foreign ownership percentage according to current regulations.

<u>Điều 8.</u> Thông qua Tờ trình số 07/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% với nội dung chính như sau:

<u>Article 8.</u> *Approving Proposal No. 07/2024/TTr-HĐQT date June 27, 2024 regarding the amendment of the Charter of Organization and Operation of the Corporation with 100% approval, with the main contents as follows:*

STT *No.*	Nội dung trước khi sửa đổi *Content before amendment*	Nội dung sau khi sửa đổi *Content after amendment*	Lý do thực hiện *Reasons for implementation*
1	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ** ***Article 1. Interpretation of terms*** **Khoản/ *Clause 1*** h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Tổng Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác **do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;** *h) Enterprise manager is the manager of the Corporation, including the Chairman of The Board Of Directors, Member of the Board of Directors, General Director and other management title holders appointed **by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors**;*	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ** ***Article 1. Interpretation of terms*** **Khoản 1/ *Clause 1*** h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Tổng Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, **các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;** *h) Enterprise manager is the manager of the Corporation, including the Chairman of The Board Of Directors, Member of the Board of Directors, General Director**, Deputy General Directors and Chief Accountant**;*	Thực hiện theo đúng quy định tại khoản 24 Điều 4 LDN 59/2020/QH14 *Implement in accordance with the provisions of Clause 24, Article 4 of Law No. 59/2020/QH14*
2	**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua** ***Article 21. Conditions for the Resolution of the General Meeting of Shareholders to be passed*** 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả **cổ đông dự họp tán thành, ….** *1. A resolution on the following content is passed if it is approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all **shareholders attending the meeting**, ….*	**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua** ***Article 21. Conditions for the Resolution of the General Meeting of Shareholders to be passed*** **1**. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành,….** *1. A resolution on the following content is passed if it is approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all shareholders **present and voting at the meeting**, ….* 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả **cổ đông**	Theo khoản 5 điều 7 Luật số 03/2022/QH15 *According to Clause 5, Article 7 of Law No. 03/2022/QH15*

STT *No.*	**Nội dung trước khi sửa đổi** *Content before amendment*	**Nội dung sau khi sửa đổi** *Content after amendment*	**Lý do thực hiện** *Reasons for implementation*
	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả **cổ đông dự họp tán thành,..** *2. Resolutions are passed when approved by shareholders holding more than 50% of the total voting shares of all* ***shareholders attending the meeting,...***	**tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành,…** *2. Resolutions are passed when approved by shareholders holding more than 50% of the total voting shares of all* ***shareholders present and voting at the meeting,…***	
3	**Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý** ***Article 33. Organization of the management apparatus*** Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng **và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm…** *The Corporation's management system must ensure that the management apparatus is responsible to the Board of Directors and is subject to the supervision and direction of the Board of Directors in the Corporation's daily business activities. The Corporation has a General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant* ***and other management positions appointed by the Board of Directors****…*	**Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý** ***Article 33. Organization of the management apparatus*** Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, **các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**. *The Corporation's management system must ensure that the management apparatus is responsible to the Board of Directors and is subject to the supervision and direction of the Board of Directors in the Corporation's daily business activities. The Corporation has a General Director,* ***Deputy General Directors and Chief Accountant****.*	Thực hiện theo đúng quy định tại khoản 24 Điều 4 LDN 59/2020/QH14 và để thống nhất với nội dung tại điểm h khoản 1 Điều 1 Điều lệ. *Implement in accordance with the provisions of Clause 24, Article 4 of Law No. 59/2020/QH14 and to be consistent with the content at Point h, Clause 1, Article 1 of the Charter.*

Giao cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định thời điểm sửa đổi Điều lệ theo đúng quy định hiện hành.

Assigning the Board of Directors to proactively decide the time to amend the Charter in accordance with current regulations.

<u>Điều 9</u>. Thông qua Tờ trình số 08/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,92% với nội dung chính như sau:

<u>Article 9</u>. Approving Proposal No. 08/2024/TTr-HĐQT Date June 27, 2024 regarding the approval of the plan to offer additional shares to the public to increase Charter capital with 99.92% approval, with the main contents as follows:

I. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN/ *PURPOSE OF THE OFFERING:*

- Đầu tư các dự án do Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP làm chủ đầu tư.
  Investing in projects invested by Investment And Industrial Development Joint Stock Corporation.
- Góp vốn thành lập mới hoặc tăng vốn điều lệ các đơn vị thành viên.
  Contributing capital to newly establish or increase the Charter capital of member units.
- Tái cấu trúc tài chính Tổng Công ty.
  Restructuring the Corporation's finances.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CHI TIẾT/ *DETAILED OFFERING PLAN:*

1. Thông tin chung về đợt chào bán/ *General information about the offering*

- Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

  Name of offered shares: Shares of Investment And Industrial Development Joint Stock Corporation

- Mã cổ phiếu: BCM/ *Stock code: BCM*
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông/ *Share type: Common shares*
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu/ *Par value: 10,000 VND/share*
- Vốn điều lệ hiện tại: 10.350.000.000.000 đồng (Mười nghìn ba trăm năm mươi tỷ đồng)

  Current Charter capital: 10,350,000,000,000 VND (Ten trillion three hundred fifty billion VND)

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.035.000.000 cổ phiếu

  Number of outstanding shares: 1,035,000,000 shares

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.035.000.000 cổ phiếu

  Number of issued shares: 1,035,000,000 shares

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

  Number of treasury shares: 0 shares

- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm (dự kiến): **300.000.000 cổ phiếu**

  Number of shares offered (expected): 300,000,000 shares

- Giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 đồng (Ba nghìn tỷ đồng)

  Expected offering value at par: 3,000,000,000,000 VND (Three trillion VND)

- Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán: 13.350.000.000.000 đồng (Mười ba nghìn ba trăm năm mươi tỷ đồng).

  Expected Charter capital after the offering: 13,350,000,000,000 VND (Thirteen trillion three hundred fifty billion VND)

2. Phương thức chào bán/ *Offering method*

Chào bán thêm 300.000.000 cổ phiếu ra công chúng thông qua phương thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Offering 300,000,000 additional shares to the public through a public auction at The Stock Exchange Ho Chi Minh City (HOSE).

3. Đối tượng chào bán/ *Offering subjects*

Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu.

Interested domestic and foreign individual and institutional investors.

4. Giá khởi điểm bán đấu giá/ *Starting price for the auction*

Để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về cách xác định giá khởi điểm và phù hợp với tình hình biến động giá thị trường của cổ phiếu BCM tại thời điểm tiến hành đấu giá, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá khởi điểm dựa theo Nguyên tắc xác định giá khởi điểm và theo tình hình thực tế của thị trường để đợt đấu giá thành công và tối đa hóa giá trị vốn huy động từ đợt chào bán.

To ensure compliance with legal regulations on determining the starting price and to align with market price fluctuations of BCM shares at the time of the auction, the General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to decide the starting price

based on the Starting Price Determination Principle and the actual market situation to ensure a successful auction and maximize the capital raised from the offering.

5. Nguyên tắc xác định giá khởi điểm/ *Starting Price Determination Principle*

Giá khởi điểm được xác định theo nguyên tắc

The starting price is determined based on the following principles:

i. Không thấp hơn giá trị sổ sách trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP tại kỳ gần nhất, và;
Not lower than the book value in the most recent combined financial statements of Investment And Industrial Development Joint Stock Corporation, and;

ii. Không thấp hơn trung bình giá đóng cửa 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu BCM trước ngày công bố Bản thông báo phát hành, và;
Not lower than the average closing price of BCM shares in the 30 most recent trading sessions before the issuance announcement date, and;

iii. Không thấp hơn 50.000 đồng/cổ phiếu.
Not lower than 50,000 VND/share.

6. Thời gian thực hiện dự kiến/ *Expected implementation time*

Trong năm 2024 - 2025, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán.

In 2024-2025, after approval by the General Meeting of Shareholders and issuance of the Offering Registration Certificate by The State Securities Commission.

7. Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết từ đợt chào bán hoặc đợt chào bán không thành công/ *Plan for handling unsold shares from the offering or an unsuccessful offering*

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng có nhu cầu với giá bán không thấp hơn bình quân giá đấu giá thành công. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí và danh sách các nhà đầu tư chào bán. Số cổ phiếu không chào bán hết khi chào bán tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to continue offering to interested parties at a selling price not lower than the average successful auction price. The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to

determine the criteria and list of investors for the offering. The unsold shares, when offered again, will be restricted from transfer for 01 year from the completion date of the offering..

8. Hạn chế chuyển nhượng/ *Transfer restrictions*

Cổ phiếu chào bán thành công cho nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá công khai không bị hạn chế chuyển nhượng.

Shares successfully sold to investors through the public auction process will not be subject to transfer restrictions.

9. Đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung/ *Depository and additional listing registration*:

ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã chào bán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

The General Meeting of Shareholders approves the registration for additional depository and listing of all offered shares at the Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation and The Ho Chi Minh City Stock Exchange after the completion of the offering in accordance with current regulations.

10. Phương án đáp ứng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài/ *Plan to meet foreign ownership limit:*

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán thêm cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to approve a plan to ensure that the additional share offering complies with regulations on foreign ownership limits.

11. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán/ *Plan for using the proceeds from the offering:*

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng với giá bán tối thiểu 50.000 đồng/cổ phiếu là 15.000 tỷ đồng. Số tiền huy động được từ đợt chào bán này sẽ được sử dụng cho các mục đích theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau:

The estimated amount to be raised from the public share offering at a minimum price of VND 50,000 per share is VND 15,000 billion. The funds raised from this offering will be used for the following specific prioritized purposes:

STT *No.*	**Mục đích sử dụng** *Purpose of use*	**Số tiền** *Amount*	**Tỷ lệ** *Percentage*
A	**Đầu tư dự án** *Project investment*	**6.300 tỷ đồng** *6,300 billion VND*	**42,0%** ***42.0%***
1	Khu công nghiệp Cây Trường *Cay Truong Industrial Park*	2.800 tỷ đồng *2,800 billion VND*	
2	Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng *Bau Bang Expanded Industrial Park*	3.500 tỷ đồng *3,500 billion VND*	
B	**Góp tăng vốn các công ty hiện hữu** *Contribute to increasing capital of existing companies*	**3.634 tỷ đồng** *3,634 billion VND*	**24,2%** ***24.2%***
1	Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) *Vietnam-Singapore Industrial Park J.V. Co.,Ltd (VSIP)*	2.118 tỷ đồng *2,118 billion VND*	
2	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước *Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company*	900 tỷ đồng *900 billion VND*	
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - VSIP (BVP) *Becamex - VSIP Power Investment And Development Joint Stock Company (BVP)*	216 tỷ đồng *216 billion VND*	
4	Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore (VSSES) *Vietnam - Singapore Smart Energy Solutions Joint Stock Company (VSSES)*	200 tỷ đồng *200 billion VND*	
5	Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	200 tỷ đồng *200 billion VND*	

STT *No.*	**Mục đích sử dụng** *Purpose of use*	**Số tiền** *Amount*	**Tỷ lệ** *Percentage*
	Becamex Binh Đinh Joint Stock Company		
C	**Tái cấu trúc tài chính** *Financial restructuring*	**5.066 tỷ đồng** *5,066 billion VND*	**33,8%** ***33.8%***
Tổng cộng (A + B + C) *Total (A + B + C)*		**15.000 tỷ đồng** *15,000 billion VND*	**100%** ***100%***

Dựa vào kết quả chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành và kết hợp với các nguồn vốn huy động khác để đầu tư thực hiện các mục đích đã trình bày nêu trên.

Based on the offering results, the General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to proactively allocate the capital raised from the issuance and combine it with other mobilized capital sources to invest in the aforementioned objectives.

Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị được chủ động phân bổ số tiền tăng thêm (trong trường hợp tổng số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán lớn hơn tổng số tiền huy động tạm tính nêu trên) để bổ sung vốn lưu động và phải báo cáo cho cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to proactively allocate the additional amount (in case the total actual amount received from the offering is greater than the aforementioned estimated mobilized amount) to supplement working capital and report to shareholders at the nearest General Meeting of Shareholders.

Trong trường hợp số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán thấp hơn so với số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán nêu trên, Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị được chủ động phân bổ số tiền thu được thực tế cho từng mục đích sử dụng vốn theo thứ tự ưu tiên tương ứng nêu trên.

In case the actual amount received from the offering is lower than the aforementioned expected amount from the offering, the General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to proactively allocate the actual amount received for each capital use purpose according to the corresponding priority order mentioned above.

12. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn huy động từ đợt chào bán/ *Minimum successful offering percentage and plan to compensate for the shortfall in capital mobilized from the offering:*

Tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án tại Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.

The successful offering rate for the purpose of implementing the project must be at least 70% of the total number of shares expected to be offered to carry out the projects in the plan for the use of the funds raised from the offering.

Đồng thời, phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán sẽ được bổ sung từ vay ngân hàng hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác để đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện các dự án nêu trên.

At the same time, the shortfall in expected capital mobilized from the offering will be supplemented from bank loans or mobilized from other legitimate sources to ensure sufficient capital to implement the above projects.

III. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ *AUTHORIZATION FOR THE BOARD OF DIRECTORS:*

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan tới đợt chào bán theo thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

The General Meeting of Shareholders assigns and authorizes the Board of Directors to decide all matters related to the offering under its authority, including but not limited to the following:

- Xây dựng, phê duyệt phương án chào bán chi tiết và lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện phương án chào bán cổ phiếu;

  Develop and approve a detailed offering plan and select a specific time to implement the share offering plan;
- Quyết định mức giá đấu giá khởi điểm phù hợp với Nguyên tắc xác định giá khởi điểm đã được ĐHĐCĐ phê duyệt như trên và các quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện;

Decide the starting auction price in accordance with the Starting Price Determination Principles approved by the General Meeting of Shareholders as above and the legal regulations at the time of implementation;

- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán;
  Select the offering consultant;
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết hồ sơ chào bán phù hợp với tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
  Decide on the modification, adjustment, and detailed explanation of the offering documents in accordance with the actual situation or as requested by the competent State agency to implement the plan to offer shares to the public, ensuring the best interests of the shareholders, the Corporation, and in accordance with current legal regulations;
- Xây dựng và thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ phê duyệt ở trên; thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán tùy theo tình hình hoạt động thực tiễn của Tổng Công ty tại thời điểm chào bán, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Trường hợp thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán, HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất;
  Develop and approve a detailed capital utilization plan for the purposes of using the capital raised from the offering in accordance with the purposes approved by the General Meeting of Shareholders above; change the plan to use the proceeds from the offering depending on the actual operating situation of the Corporation at the time of the offering, ensuring compliance with legal regulations. In case of changing the plan to use the capital from the offering, the Board of Directors shall report to the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting;
- Chủ động phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành và kết hợp với các nguồn vốn huy động khác vào các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua, được chủ động phân bổ số tiền tăng thêm (trong trường hợp tổng số tiền thu được từ đợt chào bán vượt hơn tổng số tiền huy động tối thiểu nêu trên), đảm bảo lợi ích của cổ đông, Tổng Công ty,

tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Thực hiện các thủ tục báo cáo sử dụng vốn theo quy định;

Proactively allocate the capital raised from the issuance and combine it with other mobilized capital sources for the approved capital use purposes, proactively allocate the additional amount (in case the total amount received from the offering exceeds the aforementioned minimum mobilized amount), ensuring the interests of shareholders and the Corporation, complying with legal regulations, and reporting to the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting. Implement capital use reporting procedures as prescribed;

- Xây dựng phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
  Develop a plan to ensure that the share offering meets the foreign ownership ratio;
- Lập phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết cho Nhà đầu tư; chủ động tìm kiếm, lựa chọn và thông qua tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được chào bán tiếp theo đúng nguyên tắc đã được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định pháp luật hiện hành;
  Formulate a plan to handle unsold shares to investors; proactively search for, select, and approve the criteria and list of investors to be offered next in accordance with the principles approved by the General Meeting of Shareholders and current legal regulations;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả chào bán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  Carry out necessary procedures to report the offering results to the State Securities Commission;
- Thực hiện đăng ký, lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với số cổ phiếu phát hành thêm theo quy định;
  Carry out registration and additional deposit at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and list additionally on The Ho Chi Minh City Stock Exchange for the additionally issued shares as regulated;
- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức Vốn

điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Tổng Công Ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;

Decide and implement procedures to change the enterprise registration content (including procedures for registering the increase of Charter capital after the issuance) and sign necessary documents related to the Charter capital increase adjustment on the Business Registration Certificate at the competent state agency; adjust the Charter capital level, the number of outstanding shares, and other related contents in the Corporation's Charter and other procedures/tasks related to the aforementioned Charter capital increase with competent State agencies and related units;

- Quyết định tất cả các vấn đề, thực hiện tất cả thủ tục và các công việc cần thiết khác để triển khai thành công phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nêu trên;

  Decide on all matters, implement all procedures and other necessary tasks to successfully deploy the aforementioned plan for offering additional shares to the public;
- Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc ký kết, phê duyệt các tài liệu, hợp đồng và các văn bản giao dịch, giải trình liên quan đến đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

  The Board of Directors may authorize the Chairman of The Board of Directors or a Member of the Board of Directors to sign, approve documents, contracts, and transaction documents, and provide explanations related to the offering in accordance with legal regulations.

<u>Điều 10</u>. Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-BKS ngày 27/06/2024 của Ban kiểm soát về việc Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,99% với nội dung chính như sau :

***<u>Article 10</u>**. Approve Proposal No. 01/2024/TTr-BKS dated June 27, 2024 of the Board of Supervisors on Approving the list of independent audit companies in 2024 with of 99.99% approval, with the main contents as follows:*

Danh sách các công ty kiểm toán độc lập sẽ được lựa chọn để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm và phê duyệt danh sách công ty kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Tổng Công ty trong năm 2024 và giao quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây:

The list of independent auditing firms to be selected for conducting the semi-annual financial statements, auditing the annual financial statements, and approve the list of auditing firms (if necessary) of the Corporation in 2024 and authorize the Board of Directors to decide on the selection of the auditing firm from the list below:

1.Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C/ *A&C Auditing and Consulting Company Limited;*
2.Công ty TNHH KPMG Việt Nam/ *KPMG Vietnam Limited;*
3.Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam/ *Ernst & Young Vietnam Limited;*
4.Công ty TNHH PwC Việt Nam/ *PwC Vietnam Limited;*
5.Công ty TNHH Deloitte Việt Nam/ *Deloitte Vietnam Limited.*

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật, Điều lệ và Quy chế Tổng Công ty.

***Article 11**. The General Meeting of Shareholders agrees to assign the Board of Directors to direct and organize the implementation of the contents approved by the shareholders at the 2024 Annual General Meeting of Shareholders thoroughly and effectively in accordance with the Law, Charter, and Regulations of the Corporation.*

Điều 12. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

***Article 12.** This Resolution has been approved by the General Meeting of Shareholders and is effective from the date of signing. Shareholders, members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, and the Board of Management are responsible for implementing this resolution.*

Nơi nhận:
Recipients:
- UBCKNN/ *State Securities Commission (SSC)*;
- SGDCK TPHCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE)*;
- Cổ đông BCM/ *BCM Shareholders*;
- HĐQT, BKS, BTGĐ/ *Board of Directors, Member of the Board of Supervisors, Executive Board*;
- Lưu VP. HĐQT/ *Board of Directors Office*.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
ON BEHALF OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CHỦ TỌA
CHAIRMAN

M.S.D.N: 3700145020-C.T.C.P * TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP-CTCP * TP. THỦ DẦU MỘT T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN VĂN HÙNG
NGUYEN VAN HUNG

BẢNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH SAU KHI BỔ SUNG:
BUSINESS LINES AFTER SUPPLEMENT:

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Real estate business, land use rights belonging to the owner, user, or lessee.* *(trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).* *(excluding investment in the construction of cemetery infrastructure for the purpose of transferring land use rights associated with such infrastructure).* Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân. *Details: Real estate business. Operation of technical infrastructure of Industrial Park, residential areas and urban areas; worker housing services.*	6810	**X**
2	Hoạt động đo đạc bản đồ *Surveying and mapping activities* Chi tiết: Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính. *Details: Cadastral surveying, measurement and mapping.*	71102	
3	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất *Real estate consulting, brokerage, auction, land lease right auction* *(trừ dịch vụ đấu giá tài sản).*	6820	

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	(excluding asset auction services). Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản. *Details: Real estate trading floor.*		
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ *Road freight transport*	4933	
5	**Sản xuất điện** ***Electricity production*** *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).* *(excluding transmission, dispatching of the national power system; construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special socio-economic importance).* Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo. *Details: Electricity production activities from solar energy, renewable energy.*	3511	
6	Truyền tải và phân phối điện *Electricity transmission and distribution* *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).* *(excluding transmission, dispatching of the national power system; construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special socio-economic importance).*	3512	

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
	Chi tiết: *Details:* Truyền tải và phân phối điện, điện năng và điện năng lượng mặt trời đến cấp điện áp 110 kV. *Transmission and distribution of electricity, electric power and solar power up to 110 kV voltage level.* Đầu tư phát triển lưới điện, phân phối bán lẻ điện, quản lý vận hành và sửa chữa lưới điện đến cấp điện áp 110 kV. *Investment in power grid development, retail electricity distribution, operation management and repair of power grids up to 110 kV voltage level.* Kinh doanh mua, bán năng lượng điện mặt trời áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước đến cấp điện áp 110 kV. *Trading in rooftop, ground-mounted and floating solar power up to 110 kV voltage level.*		
7	Xây dựng công trình điện *Construction of electrical power works* *(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)* *(excluding the construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special socio-economic importance)* Chi tiết: *Details:* Thi công và lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 kV. *Construction and installation of transmission lines and substations up to*	4221	

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
	110 kV. Thi công và lắp đặt hệ thống năng lượng điện mặt trời (áp mái, trên mặt đất, và nổi trên mặt nước). *Construction and installation of solar power systems (rooftop, ground-mounted, and floating).* Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng *Construction of industrial and civil electrical works.*		
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan *Architectural activities and related technical consultancy.* *(Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải)* *(Excluding services for establishing, operating, maintaining, and preserving maritime signals, water areas, waterways, public waterways, and shipping routes; Surveying services for water areas, waterways, public waterways, and shipping routes for publishing maritime announcements; Surveying, construction, and publishing of nautical charts for water areas, seaports, waterways, and shipping routes).* Chi tiết: *Details:* Tư vấn khảo sát, thiết kế đường dây tải điện và trạm biến áp đến cấp điện áp 110 kV. *Consulting, surveying, and designing transmission lines and substations*	7110	

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	up to 110 kV. Tư vấn giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110 kV. *Supervision of construction and completion of transmission lines and substations up to 110 kV.* Tư vấn thiết kế và giám sát thi công hệ thống năng lượng điện mặt trời (áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước). *Design consultancy and construction supervision of solar power systems (rooftop, ground-mounted, and floating).* Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn lập dự án đầu tư; Tư vấn đấu thầu, lập dự toán các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 kV. *Project management consultancy; Investment project development consultancy; Bidding consultancy and cost estimation for transmission lines and substations up to 110 kV.* Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. *Consulting, designing, supervising, constructing, and building civil, public, industrial, transportation, and infrastructure projects.* Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp). Quản lý dự án và giám sát thi công công trình.Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính. *Designing, verifying, supervising, and constructing power projects from 35 KV and below (transmission lines, transformer stations, lighting systems, civil and industrial electrical systems). Project management and construction supervision. Surveying, measurement, and cadastral*		

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	mapping. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. *Consulting and detailed planning, technical design, total cost estimation, preparation, and appraisal of investment projects for residential areas, urban areas, Industrial Parks, civil works, industrial works, and transportation.* Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức PPP. *Implementing construction investment projects under the PPP method.*		
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *Other uncategorized business support services.* *(trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá.)* *(excluding Inspection services (inspection and testing) and certification for means of transport (including systems, assemblies, equipment, and*	8299	

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	components of vehicles); inspection and certification of technical safety and environmental protection for specialized vehicles, equipment, containers, and dangerous goods packaging used in transportation; inspection and certification of technical safety and environmental protection for vehicles and equipment used in offshore oil and gas exploration, exploitation, and transportation; occupational safety inspection for machinery and equipment with strict safety requirements installed on means of transport and vehicles and equipment used in offshore oil and gas exploration, exploitation, and transportation; and fishing vessel registration services). Chi tiết: *Details:* Kiểm định, hiệu chỉnh, thử nghiệm, lắp đặt, kiểm tra: các loại thiết bị điện, phương tiện đo lường, dụng cụ đo lường, trang thiết bị điện, bảo vệ điều khiển. *Inspection, calibration, testing, installation, and checking of electrical equipment, measuring instruments, measuring tools, electrical equipment, and control protection.* Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; Hoạt động tự động hóa và điều khiển *Testing and calibrating electrical equipment; Automation and control activities.*		
10	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa *Inland waterway freight transport.* Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa bằng phương tiện thô sơ. *Details: Inland waterway freight transport by motorized means; Inland*	5022	

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	waterway freight transport by rudimentary means.		
11	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa *Warehousing and storage of goods.* Chi tiết: Dịch vụ ICD. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác. *Details: ICD services. Warehousing and storage of goods in bonded warehouses; Warehousing and storage of goods in cold storages (excluding bonded warehouses); Warehousing and storage of goods in other types of warehouses.*	5210	
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy *Direct support services for waterway transport* *(trừ dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải.)* *(excluding traffic control services ensuring maritime safety in territorial waters, internal waters, and public waterways; maritime e-information services; establishment, operation, maintenance, and repair of maritime signals, territorial waters, internal waters, public waterways, and maritime routes; surveying territorial waters, internal waters, public*	5222	

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	waterways, and maritime routes for publishing Notices to Mariners; surveying, constructing, and publishing nautical charts of internal waters, seaports, waterways, and maritime routes; developing and publishing maritime safety documents and publications. Maritime pilotage services.) Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương; Hoạt động điều hành cảng đường thủy nội địa. *Details: Support services related to coastal and ocean shipping; Inland waterway port operations.*		
13	Bốc xếp hàng hóa *Cargo handling* *(trừ Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).* *(excluding Airport cargo handling).* Chi tiết: *Details:* Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. *Cargo handling services.* Bốc xếp hàng hóa đường bộ. Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Bốc xếp hàng hóa cảng sông. Bốc xếp hàng hóa loại khác. *Road freight handling. Rail freight handling. Seaport cargo handling. River port cargo handling. Other cargo handling.*	5224	
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải *Other support services related to transport*	5229	

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
	(trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không). *(excluding services for establishing, operating, maintaining, and repairing maritime signals, territorial waters, internal waters, public waterways, and maritime routes; surveying territorial waters, internal waters, public waterways, and maritime routes for publishing Notices to Mariners; surveying, constructing, and publishing nautical charts of internal waters, seaports, waterways, and maritime routes; developing and publishing maritime safety documents and publications; traffic control services ensuring maritime safety in territorial waters, internal*		

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	waters, and public waterways; maritime e-information services; inspection (examination, testing) and certification services for transport vehicles (including systems, assemblies, equipment, and components of vehicles); inspection and certification of technical safety and environmental protection for specialized vehicles, equipment, containers, and dangerous goods packaging used in transport; inspection and certification of technical safety and environmental protection for vehicles and equipment used in offshore oil and gas exploration, exploitation, and transportation; occupational safety inspection of machinery and equipment with strict safety requirements installed on transport vehicles and vehicles and equipment used in offshore oil and gas exploration, exploitation, and transportation; fishing vessel registration services; maritime pilotage services; air transport support services). Chi tiết: *Details:* Dịch vụ Kho hàng, bãi container, đóng gói, xếp dỡ vận tải container, các đại lý vận tải hàng hóa, kiểm đếm hàng hóa; Kinh doanh kho ngoại quan, kho lạnh, bãi container. *Warehousing services, container yards, packaging, container handling, freight forwarding agents, cargo tallying; Operation of bonded warehouses, cold storage, and container yards.* Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan. *Freight transport, forwarding, and customs brokerage services.* Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển. Logistics. *Agency, forwarding, and transport services. Logistics.* Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu. Dịch vụ vệ sinh tàu biển. Dịch vụ khu vực cảng mở: Mua bán, phân loại, lưu		

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
	trữ, bảo quản, sửa chữa bao gói, đóng gói hàng hóa Other uncategorized transport support services. Ship cleaning services. *Open port area services: Buying, selling, sorting, storing, preserving, repairing packaging, and packing goods.*		
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Construction of other civil engineering works* *(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).* *(excluding the construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special socio-economic importance).* Chi tiết: *Details:* Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. *Construction of civil, public, industrial, transport, and infrastructure works.* Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. *Investment in technical infrastructure construction of Industrial Parks, residential areas, and urban areas.*	4299	
16	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét *Exploitation of stone, sand, gravel, and clay.* Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản. *Detail: Mineral exploitation and processing.*	0810	

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
17	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu *Other uncategorized mining.*	0899	
18	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao *Production of cement, lime, and gypsum.* Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng *Detail: Production of building materials.*	2394	
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)* *Wholesale of other construction materials and installation equipment (excluding the exercise of export, import, and distribution rights for goods such as tobacco and cigars, books, newspapers and magazines, recorded items, precious metals and gemstones, pharmaceuticals, explosives, crude oil and refined oil, rice, cane sugar and beet sugar).* Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng. *Detail: Trading in building materials.*	4663	
20	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao *Production of concrete, concrete products, cement, and gypsum.* Chi tiết: Các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn. *Detail: Precast concrete components.*	2395	
21	Xây dựng nhà để ở *Residential building construction.*	4101	

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
22	Sản xuất vải dệt thoi *Woven fabric production.* Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dệt và may mặc. *Detail: Production of textile and garment products.*	1312	
23	Hoàn thiện sản phẩm dệt *Textile product finishing.* Chi tiết: Gia công các sản phẩm dệt và may mặc *Detail: Processing of textile and garment products.*	1313	
24	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép *Wholesale of fabrics, garments, and footwear.* Chi tiết: Mua bán các sản phẩm dệt và may mặc. *Detail: Trading in textile and garment products.*	4641	
25	Sản xuất linh kiện điện tử *Electronic component manufacturing.* Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp hàng điện tử. *Detail: Manufacturing and assembling electronics.*	2610	
26	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng *Production of consumer electronics.*	2640	
27	Sản xuất máy thông dụng khác *Manufacturing of other general-purpose machinery.* Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng.	2819	

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	Detail: Manufacturing and assembling machinery, equipment, and spare parts for industrial production and consumption.		
28	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông *Wholesale of electronic equipment and telecommunications components.* *(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)* *(excluding the exercise of export, import, and distribution rights for goods such as tobacco and cigars, books, newspapers and magazines, recorded items, precious metals and gemstones, pharmaceuticals, explosives, crude oil and refined oil, rice, cane sugar and beet sugar).* Chi tiết: Mua bán hàng điện tử. *Detail: Trading in electronics.*	4652	
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Wholesale of other machinery, equipment, and machine parts.* *(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)* *(excluding the exercise of export, import, and distribution rights for goods such as tobacco and cigars, books, newspapers and magazines, recorded items, precious metals and gemstones, pharmaceuticals, explosives, crude oil and refined oil, rice, cane sugar and beet sugar).* Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công	4659	

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	nghiệp và tiêu dùng. *Detail: Trading in machinery, equipment, and spare parts for industrial production and consumption.*		
30	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu *Other uncategorized manufacturing.* Chi tiết: Sản xuất vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng. *Detail: Production of materials, supplies, and goods for production and consumption.*	3290	
31	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)* *Wholesale of other uncategorized specialized goods (excluding the exercise of export, import, and distribution rights for goods such as tobacco and cigars, books, newspapers and magazines, recorded items, precious metals and gemstones, pharmaceuticals, explosives, crude oil and refined oil, rice, cane sugar and beet sugar).* Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng *Detail: Trading in materials, supplies, and goods for production and consumption.*	4669	
32	Quảng cáo *Advertising.*	7310	

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
	(trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo) *(excluding products, goods, and services prohibited from advertising).* Chi tiết: Thực hiện các dịch vụ tiếp thị. *Detail: Providing marketing services.*		
33	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận *Market research and public opinion polling.* (*trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận)).* *(excluding public opinion polling services).* Chi tiết: Nghiên cứu thị trường. *Detail: Market research.*	7320	
34	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu *Other uncategorized financial support services.* Chi tiết: *Detail: Investment consulting.* Tư vấn đầu tư. *Investment consulting.* Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước. *Financial investment in other domestic and foreign enterprises.*	6619	
35	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế *Operation of hospitals and medical stations.* Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế. *Detail: Operating in the hospital and healthcare sectors.*	8610	

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
36	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa *Operation of general clinics, specialized clinics, and dental clinics.*	8620	
37	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục *Educational support services.* Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. *Detail: Operating in the education sector.*	8560	
38	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải *Repair and maintenance of transportation vehicles* *(trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)* *(excluding cars, motorcycles, and other motorized vehicles).* Chi tiết: *Detail:* Dịch vụ sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa tàu biển. *Ship repair and maintenance services.* Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải đường sắt đô thị. *Repair and maintenance of urban rail transit vehicles.*	3315	
39	Xây dựng công trình thủy *Construction of hydraulic works* *(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)* *(excluding the construction and operation of multi-purpose hydropower plants and nuclear power plants of special socio-economic importance).* Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa công trình thủy. Hoạt động nạo vét đường	4291	

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
	thủy. *Detail: Construction and repair of hydraulic works. Dredging operations.*		
40	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương *Coastal and ocean freight transport.* Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển. Vận tải hàng hóa viễn dương. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. *Detail: Coastal freight transport. Ocean freight transport. International multimodal transport business.*	5012	
41	Xây dựng công trình đường sắt *Railway construction.*	4211	
42	Vận tải hành khách đường sắt *Rail passenger transport.* Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế. *Detail: Railway transport business, domestic multimodal transport, and international combined transport.*	4911	
43	Vận tải hàng hóa đường sắt *Rail freight transport.* Chi tiết: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt. *Detail: Railway transport agency and services.*	4912	
44	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành *Inner-city and suburban road passenger transport* *(trừ vận tải bằng xe buýt)*	4931	

STT *No.*	Tên ngành, nghề kinh doanh *Business lines and sectors*	Mã ngành *Industry Code*	Ngành, nghề kinh doanh chính *Main business lines and sectors*
	(excluding bus transport). Chi tiết: Vận tải hành khách trong nội thành, ngoại thành bằng đường sắt đô thị. *Detail: Inner-city and suburban passenger transport by urban railway.*		
45	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt *(trừ quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, không bao gồm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt)* *Direct support services for rail transport (excluding management and operation of national railway infrastructure systems and urban railways invested by the State, not including railway infrastructure maintenance).* Chi tiết: *Detail:* Hoạt động của các nhà ga hành khách đường sắt. *Operation of railway passenger stations.* Các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng đường sắt. *Other services related to the organization and implementation of passenger, baggage, parcel, and freight transport by rail.* Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. *Management, operation, maintenance, and repair of urban railway infrastructure systems.* Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt. *Railway infrastructure system business.*	5221	

STT *No.*	**Tên ngành, nghề kinh doanh** *Business lines and sectors*	**Mã ngành** *Industry Code*	**Ngành, nghề kinh doanh chính** *Main business lines and sectors*
46	Sửa chữa máy móc, thiết bị *Machinery and equipment repair.* Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị. *Detail: Repair of specialized machinery and equipment for urban railways.*	3312	
47	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam: *Industries and occupations not yet matched with the Vietnam Economic Sector System:* - Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước. *Financial investment in other domestic and foreign enterprises.* - Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục. *Operating in the hospital, healthcare, and education sectors.* (Tổng Công ty không thực hiện các hoạt động kinh doanh thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021) *(The Corporation does not conduct business activities in the list of industries and occupations not yet open to foreign investors as specified in Section A, Appendix I of Decree 31/2021/ND-CP Date 26/03/2021).*		